TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI
Bản án số: 30/2023/ HNGĐ - ST
Ngày 07 tháng 9 năm 2023.
Về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN- LÀO CAI.

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lựa**.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1, ông Hoàng Văn Thứ;

2, Bà Vũ Thị Vẻ,

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Tiến Hnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2023. Về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXX ST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST - HNGĐ ngày 23/8/2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1982.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1 MH, xã ML, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Lò Thị B, sinh năm 1989.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1 MH, xã ML, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng: Dương Văn Hùng, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Thôn 1 MH, xã ML, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của anh Dương Văn H trình bày, có yêu cầu: Năm 2006 anh và chị Lò Thị B tự nguyên chung sống với nhau theo phong tục tập quán, đến ngày 10/12/2007 anh và chị Lò Thị B đến UBND xã Minh Lương đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng Hạnh phúc được khoảng 10 năm đến đầu năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị B bất đồng quan điểm về tính cách, nuôi dạy con, về làm kinh tế, gay gắt nhất vào đầu năm 2020 anh, chị B tự sống ly thân, chị B rời nH từ tháng 6/2023 bỏ mặc không còn quan tâm, kinh tế của ai người đó quản lý, sử dụng và chấm dứt mối quan hệ tình cảm với chị B tính đến nay khoảng 03 năm 09 tháng nên không có thai với anh. Nay anh xác định, tình cảm vợ chồng không còn cách nào Hn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không được Tòa chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của anh, anh H tiếp tục sống ly thân, nhất định không đoàn tụ vợ chồng với chị B. Đề nghị đ- ợc ly hôn với chị Lò Thị B.

Về con: Anh Dương Văn H xác định: Anh và chị B có hai con chung là cháu Dương Huyền Diệu, sinh ngày 10/7/2008; cháu Dương Mạnh Quang, sinh ngày 10/9/2010. Hiện cháu Diệu, cháu Quang đang do anh H nuôi Dưỡng, giáo dục. Nay, anh đề nghị Tòa giải quyết giao cháu Diệu, cháu Quang cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi cháu Diệu, cháu Quang cùng anh.

Về tài sản: Anh Dương Văn H xác định, anh và chị B tự thỏa thuận. Anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Về vay nợ: Anh Dương Văn H xác định, anh và chị B không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn chị Lò Thị B: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã thông báo và phổ biến điều luật về các quyền, nghĩa vụ, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có) cho chị B và giao văn bản tố tụng của tòa cho chị B. Tuy nhiên, chị B tự tước đi các quyền và nghĩa vụ, không tham gia tố tụng, không ghi ý kiến trình bày quan điểm về mối quan hệ hôn nhân, nuôi con, tài sản đối với yêu cầu khởi kiện của chị để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị B. Chị B đã được biết anh H đã khởi kiện về ly hôn và tự mình thực hiện nghĩa vụ nuôi con chung từ khi ly thân với chị B.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho anh Dương Văn H đ- ợc ly hôn với chị Lò Thị B.

+ Về con: Giao cháu Dương Huyền Diệu, sinh ngày 10/7/2008; cháu Dương Mạnh Quang, sinh ngày 10/9/2010 cho anh Dương Văn H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng tHnh đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị B không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh Dương Văn H .

+ Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Dương Văn H giao nộp và Tòa án xác minh thu thập được tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa anh Dương Văn H và chị Lò Thị B. Do chị B biết anh H yêu cầu giải quyết ly hôn với chị nên chị đi, không thông báo nơi ở mới và thông báo thời

điểm trở về, cố ý giấu địa chỉ nơi ở mới, nơi làm việc hiện tại cho anh H nhằm né tránh việc ly hôn với anh H. Quá trình tiến Hnh tố tụng từ khi thụ lý đều được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng và phổ biến về các quyền, nghĩa vụ để chị B biết đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ và trình bày ý kiến, quan điểm về tính cách, nuôi dạy con, về làm kinh tế đối với yêu cầu khởi kiện của anh H. Sau đó chị B đi làm kinh tế thì văn bản tố tụng được tống đạt, niêm yết theo quy định đều là hợp lệ. Do chị B không tham gia tố tụng và không ghi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh H và không gửi tài liệu, chứng cứ kèm theo, không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập để bảo vệ quyền và lợi ích của mình từ khi thụ lý đến khi xét xử lần thứ nhất vào ngày 23/8/2023 và xét xử lần hai được mở lại ngày hôm nay chị B cố ý bỏ mặc không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn tiến Hnh xét xử:

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn H và chị Lò Thị B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Lương, huyện Văn Bàn. Hạnh phúc được khoảng 10 năm đến đầu năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H và chị B bất đồng quan điểm về tính cách, nuôi dạy con, về làm kinh tế, thường xuyên điều qua tiếng lại, gay gắt nhất vào đầu năm 2020 anh, chị tự sống ly thân, bỏ mặc không còn quan tâm, kinh tế của ai người đó quản lý, sử dụng và chấm dứt mối quan hệ tình cảm với chị B tính đến nay khoảng 03 năm 09 tháng. Xét thấy, anh H thực sự không còn tình cảm vợ chồng với chị B, thời gian chung sống với nhau thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thiếu đi sự chăm lo, yêu thương quý trọng giữa vợ và chồng, làm rạn nứt tình cảm và chị B không hợp tác, không giao nộp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quan điểm về tính cách, nuôi dạy con, về làm kinh tế của mình, có thái độ bỏ mặc hôn nhân, không có thiện trí trong việc hướng đến mục đích đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị B mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H đề nghị được ly hôn với chị Lò Thị B.

Về con: Anh Dương Văn H xác định: Đối với cháu Dương Huyền Diệu, sinh ngày 10/7/2008; cháu Dương Mạnh Quang, sinh ngày 10/9/2010. Mặc dù anh H và chị B không thỏa thuận về việc giao con khi ly hôn. Nay, anh H đề nghị tiếp tục giao cháu Diệu, cháu Quang cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, thu nhập Hng tháng của anh H khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Hiện cháu Diệu, cháu Quang đã và đang do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng trong suốt thời gian ly thân chị B không chu cấp gì cho cháu Diệu, cháu Quang. Anh H không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi cháu Diệu, cháu Quang cùng anh H cho đến khi trưởng tHnh đủ 18 tuổi. Do vậy để đảm bảo việc học tập và phát triển về thể chất lẫn tinh thần và tránh sự xáo trộn trong cuộc sống cho cháu Diệu, cháu Quang, cần chấp nhận đề nghị của của các cháu và anh H, giao cháu

Diệu, cháu Quang cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với việc tự nguyện giao con của đương sự khi ly thân.

Về tài sản, vay nợ: Anh Dương Văn H không yêu cầu và xác định không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức vay nợ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bị đơn chị Lò Thị B không có yêu cầu phản tố và không có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[3] Về sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Chị Lò Thị B không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Anh Dương Văn H đ- ợc ly hôn với chị Lò Thị B.

2. Về nuôi con khi ly hôn:

+ Giao Dương Huyền Diệu, sinh ngày 10/7/2008; cháu Dương Mạnh Quang, sinh ngày 10/9/2010 cho anh Dương Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Diệu, cháu Quang trưởng tHnh đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị B không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh Dương Văn H .

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm non con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các tHnh viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Dương Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm . Nhưng được trừ vào số tiền t ạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí

số 0004459 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Lò Thị B không phải tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn anh Dương Văn H, bị đơn chị Lò Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lựa

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn (01).
- Bị đơn (01).
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- UBND xã (1).
- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn(02).
- Lu HS vụ án (02),